

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2026/DS - ST
Ngày 27 - 5 - 2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Lê Văn Chi

2. Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2025/TLST - DS, ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2026/QĐXXST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2026. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Bích T - sinh năm: 1973; Số định danh cá nhân: 091173012767; địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị L - sinh năm: 1951; Số định danh cá nhân 091151005615; địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Út L1 - sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt; bà L, bà L1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Bích T trình bày: Bà làm chủ hội, có mở dây hội mùa 5.000.000 đồng vào ngày 12/8/2020 (al) mỗi năm khai hội 03 lần. Dây hội có 14 hội viên tham gia, trong đó có bà Huỳnh Thị L tham gia 01 chân, khi tham gia lấy tên Dì 6 Đào (do tên gọi bà Đ là Đ1 nhưng ghi né là bà 6 Đào) số thứ tự trong giấy hội là số 6. Bà L trúng thăm hốt hội ở lần thứ hai vào ngày 12 tháng 02 năm 2021 (al) với tổng số tiền là 42.800.000 đồng, bà giao cho bà L số tiền 15.300.000 đồng, bà L kêu bà giao cho bà L1 26.000.000 đồng có giáp mặt bà Út L1 và bà L nên bà mới giao số tiền trên cho Út L1, trừ đầu thảo 1.500.000 đồng). Sau khi hốt hội bà L đóng cho bà số tiền 23.500.000 đồng. Đến lần thứ 8 thì hội bị bể, bà L cũng không đóng. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền hội chết là 33.100.000 đồng, bà đã tính toán lại và chỉ yêu cầu bà L thanh toán theo số tiền hội sống mà các hội viên đã đóng. Nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 10.700.000 đồng và yêu cầu bà L trả số tiền hội sống 06 người và 02 lần hội chết bằng với số tiền hội mà hội viên đã kêu hốt. Tổng cộng số tiền hội bà L còn thiếu của bà: 22.400.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Bà yêu cầu bà L phải thanh toán số tiền hội trên để bà giao lại cho các hội viên, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai và lời trình bày tại phiên hòa giải ngày 28/4/2026 bà Huỳnh Thị L trình bày: Bà thừa nhận có tham gia chơi hội do bà T làm chủ, bà tham gia một chân, dây hội có 14 hội viên tham gia, một năm khai 03 lần. Bà đóng được một lần, đến lần thứ 2 thì bà kêu hốt 1.850.000 đồng. Số tiền bà trừ huê hồng và được hốt 41.300.000 đồng. Trong số tiền này bà T giao cho bà 15.000.000 đồng, phần tiền còn lại 26.300.000 đồng bà cho bà Ú L1 mượn. Bà có đóng lại số tiền 23.500.000 đồng hội chết, do hoàn cảnh khó khăn cho nên không có khả năng đóng lại hội chết. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền hội 22.400.000 đồng, hiện nay bà không còn khả năng. Bà sẽ yêu cầu bà Út L1 trả tiền cho bà thì bà mới có khả năng trả lại cho bà T số tiền trên.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 17/4/2026 bà Lê Thị Út L1 trình bày: Việc bà L tham gia một chân hụi do bà T làm chủ bà có biết. Số tiền bà T giao cho bà là do con bà L thiếu tiền của bà nên bà L mới đồng ý lấy phần hụi mà bà L được hốt giao cho bà. Việc bà L tự cản trừ với con bà như thế nào thì bà không biết. Nay bà T khởi kiện đối với bà L thì bà L phải chịu trách nhiệm với bà T, số tiền bà T giao cho bà là do bà L đồng ý thì bà mới nhận. Như vậy, giữa bà T và bà L tự giải quyết với nhau bà không liên quan trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn đưa ra xét xử còn chậm so với quy định cần rút kinh nghiệm.

Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang xét thấy quá trình tranh tụng các đương sự đều thừa nhận việc hai bên có tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hụi với nhau, bà L cũng thừa nhận đây hụi chơi cho bà T làm chủ. Đến lượt bà L được hốt bà T đã giao đầy đủ tiền cho bà L. Tuy nhiên, đây hụi của bà T hiện đã bị bể, bà L cũng không đóng lại hụi để bà T chung tiền cho các hụi viên. Bà T và bà L thừa nhận số tiền bà L còn thiếu của bà T là 22.400.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà T và buộc bà L phải trả số tiền trên cho bà T. Tại phiên tòa bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này của bà T. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Bà T khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi. Bị đơn có nơi cư trú tại xã

N, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Bà Huỳnh Thị L và bà Lê Thị Út L1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của bà L, bà L1 không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

{2.1} Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bích T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hụi với nhau. Bà Dương Thị Bích T làm chủ hụi, có mở dây hụi mùa 5.000.000 đồng vào ngày 12/8/2020 âm lịch, mỗi năm khai 03 lần, dây hụi có 14 hụi viên tham gia, bà Huỳnh Thị L tham gia một chân hụi. Hụi sổ đến lần thứ 2 vào ngày 12/2/2021, bà L kêu hốt với số tiền 1.850.000 đồng, các hụi viên phải đóng 3.150.000 đồng. Số tiền tổng cộng 42.800.000 đồng, trừ huê hồng 1.500.000 đồng, bà L thực nhận 41.300.000 đồng, số tiền này bà T và bà L đã công nhận với nhau. Sau khi, gom đủ bà L yêu cầu bà T giao cho bà Lê Thị Út L1 26.000.000 đồng, phần còn lại 15.300.000 đồng bà đã nhận. Sau đó, bà L có đóng lại cho bà T đến lần thứ 8 thì dây hụi của bà T bị bể, các hụi viên không đóng nữa, bà L không đóng cho bà T số hụi còn lại, bà T yêu cầu rất nhiều lần nhưng bà L không trả. Trong phiên hòa giải ngày 28/4/2026 giữa bà T và bà L đã thống nhất số tiền hụi bà L còn thiếu của bà T là 22.400.000 đồng, bà T yêu cầu trả một lần, bà không yêu cầu tính lãi nhưng bà L cho rằng không có khả năng trả. Đồng thời, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà L trả số tiền hụi 10.700.000 đồng và chỉ yêu cầu bà L trả số tiền 22.400.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bích T.

Hội đồng xét xử thấy rằng bà L là hụi viên, sau khi đã lĩnh hụi thì có nghĩa vụ đóng lại những lần tiếp theo cho chủ hụi để chủ hụi giao cho các hụi viên khác

nhưng bà L không đóng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc bà L phải trả lại số tiền góp hụi còn thiếu là 22.400.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11, điểm a khoản 2 Điều 15, khoản 3, 4 Điều 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Xử buộc bà L phải trả số tiền trên cho bà T.

{2.2} Về yêu cầu tính lãi: Do bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 827.000 đồng (tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013273 ngày 09/5/2025 Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Nay là thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Bà Huỳnh Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí cho bà L.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11, điểm a khoản 2 Điều 15 và khoản 3, 4 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu phùng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bích T đối với bà Huỳnh Thị L.

Buộc bà Huỳnh Thị L phải trả cho bà Dương Thị Bích T số tiền hội là 22.400.000 đồng (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Dương Thị Bích T buộc bà Huỳnh Thị L trả số tiền hội 10.700.000 đồng (mười triệu bảy trăm nghìn đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch:

Yêu cầu của bà T được chấp nhận. H lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 827.000 đồng (tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013273 ngày 09/5/2025 Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Nay là thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Bà Huỳnh Thị L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí cho bà L.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày: Bà Dương Thị Bích T được tính kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2026). Bà L, bà L1 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- *TAND tỉnh*
- *VKSND khu vực 5*
- *Phòng Thi hành án khu vực 5*
- *UBND xã.*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên